TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 17/2025/HNGĐ-ST Ngày: 18-3-2025 V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Nữ Thu Hân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phú Hữu.

2. Ông Lê Quang Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Huyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 18 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 213/2024/TLST-HNGĐ ngày 12/12/2024 về việc "*tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/02/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24/02/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Phạm Thị Bích V, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Số B, đường P, Tổ B, Khóm C, Phường F, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Dương Quang S, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Số F, đường P, Tổ B, Khóm C, Phường D, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp và số B, đường P, Tổ B, Khóm C, Phường F, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà V *có mặt, ông* S *vắng mặt tại phiên tòa).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị Bích V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà V và ông S kết hôn với nhau vào năm 2023, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường F, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận kết hôn số 51, ngày 24/5/2023.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được thời gian đầu. Nhưng sau đó vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung và bà V không còn tình cảm với ông S. Nay bà Phạm Thị Bích V yêu cầu được ly hôn với ông Dương Quang S.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn, ông Dương Quang S đã được Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông S không có văn bản trình bày ý kiến và không cung cấp tài liệu chứng cứ gì liên quan đến vụ án, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của bà Phạm Thị Bích V và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện bà V có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông S và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn; bị đơn có nơi cư trú tại Phường F, thành phố C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Dương Quang S, ông S vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Dương Quang S theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét quan hệ hôn nhân: Bà V và ông S có đủ điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường F, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 24/5/2023 nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Tại phiên tòa, bà V cương quyết yêu cầu được ly hôn với ông S, ông S vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến nội dung vụ án và không có mặt tại phiên tòa để trình bày ý kiến hay thể hiện thiện chí hòa giải, hàn gắn quan hệ hôn nhân. Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình chung sống, vợ chồng bà V và ông S phát sinh nhiều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, không còn tình cảm vợ chồng dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đã sống nhau một thời gian nhưng không hàn gắn được tình cảm và trong quá trình giải quyết vụ án ông

S cũng vắng mặt, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, cho thấy mỗi người có cuộc sống riêng, vợ chồng không còn tình cảm thương yêu nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà V yêu cầu ly hôn với ông S là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Xét con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà V xác định vợ chồng không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông S vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến về con chung, tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Án phí: Bà V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 8, 9, 19, 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Bích V về việc yêu cầu ly hôn với ông Dương Quang S. Bà V được ly hôn với ông S.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Bà Phạm Thị Bích V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013128 ngày 06/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, như vậy bà V đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc

không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKS ND TPCL;
- CC THADS TPCL và Ủy ban nhân dân Phường S, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (khi Bản án có hiệu lực pháp luật; GCNKH số 51, ngày 24/5/2023);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Nữ Thu Hân